TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2021
(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Bà **Vũ Thị Phượng**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Cao Thị Hóa –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:**

Bà: **Ngô Thị N**- Kiểm sát viên

Ngày 02/02/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hàng Thị D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Giàng A D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020, biên bản ghi lời khai và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hàng Thị D, trình bày: Chị D và anh Giàng A D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009, ĐKKH ngày 18/7/2012 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Anh D và chị sống D ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Mâu thuẫn giữa chị và anh D đã được gia đình hòa giải nhưng không mang lại kết quả. Nay mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Giàng A S, sinh ngày 01/01/2011 và Giàng A T, sinh ngày 11/8/2013 chị và anh D đã thỏa thuận anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 13/11/2020 bị đơn Anh Giàng A D trình bày: Anh D và chị D có ĐKKH ngày 18/7/2012 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 chị D bỏ đi làm ăn xa, anh không đồng ý, nay chị D yêu cầu ly hôn anh D không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ, chồng chưa đến mức trầm trọng anh muốn cùng chị D đoàn tụ để nuôi dạy các con chung.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung đúng như chị đã D trình bày, anh và chị D đã thỏa thuận anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung Giàng A S và Giàng A Tcho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tình trạng hôn nhân của nguyên đơn Hàng Thị D, bị đơn Giàng A D, ông Giàng A C - Trưởng bản C, xã S, huyện T cho biết: Anh Giàng A D, chị Hàng Thị D, ĐKKH năm 2012, đến năm 2019 anh D và chị D nảy sinh mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời khai các con chung: Biên bản ghi lời khai ngày 13/11/2020 các con chung của chị Hàng Thị D, anh Giàng A D là Giàng A S và Giàng A T đều khai các cháu không có tài sản riêng, nếu bố, mẹ các cháu ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được bố là anh Giàng A D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 147/BLTTDS năm 2015 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của UBTVQH. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Giàng A S và Giàng A T cho anh Giàng A D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị Hàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hàng Thị D, và anh Giàng A D, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Dlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị D, anh Dchung sống với nhau hạnh phúc, từ năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D hay uống rượu, thỉnh thoảng có đánh đập chị D. Mặc dù lời khai của anh Giàng A D, thì vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn nhân của anh D, chị D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay anh chị đã sống ly thân. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cho ly hôn với anh D. Quan hệ hôn nhân giữa chị Dủ và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì vậy HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Hàng Thị D và anh Giàng A D có 02 con chung là Giàng A S sinh ngày 01/01/2011 và Giàng A T sinh ngày 11/8/2013 chị D và anh D đã thỏa thuận anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, bên cạnh đó cả hai con chung của chị D, anh D đều có nguyện vọng được anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên, trên cơ sở nguyện vọng của con chưa thành niên HĐXX nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh D không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét. Nguyên đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Cả nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn Hàng Thị D thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa có đề nghị được miễn án phí được miễn án phí nên sẽ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hàng Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hàng Thị D, được ly hôn với anh Giàng A D.

3. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Giàng A D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung gồm: Giàng A S sinh ngày 01/01/2011 và Giàng A Tsinh ngày 11/8/2013 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Hàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

4. Về án phí: Nguyên đơn Hàng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKS T;
- UBND xã S;
- Thi hành án DS;
- Người TGTT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Trung Phước